TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 267/2019/QĐST-HNGĐ.	*Mỏ Cày Nam, ngày 30 tháng 9 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 361/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Từ Anh T** - Sinh năm: 1973, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị **Nguyễn Thanh TR** - Sinh năm: 1988, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Từ Anh T và chị Nguyễn Thanh TR thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh T và chị TR là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Từ Anh T và chị Nguyễn Thanh TR có một người con chung là Từ Nhật M - Sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012. Anh T và chị TR thống nhất được với nhau là chị TR được quyền tiếp tục nuôi con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 5.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/9/2019 cho đến khi cháu Từ Nhật M đủ mười tám tuổi. Sự thỏa thuận này của anh T, chị TR là phù hợp với quy định tại các điều 55, 81, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Từ Anh T, chị Nguyễn Thanh TR trình bày là không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Từ Anh T, chị Nguyễn Thanh TR trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Từ Anh T và chị Nguyễn Thanh TR tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Từ Anh T và chị Nguyễn Thanh TR thuận tình ly hôn. Anh T, chị TR không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung:

+ Chị Nguyễn Thanh TR được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Từ Anh T là cháu Từ Nhật M - Sinh ngày 08 tháng 01 năm 2012 (hiện đang sống chung với chị TR). Anh Từ Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 5.000.000đồng/tháng (năm triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20 tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu Từ Nhật M đủ mười tám tuổi.

+ Anh Từ Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Từ Anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thanh TR có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Từ Anh T.

+ Vì lợi ích của con chung, anh Từ Anh T, chị Nguyễn Thanh TR hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, anh Từ Anh T, chị Nguyễn Thanh TR có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Từ Anh T, chị Nguyễn Thanh TR không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Từ Anh T, chị Nguyễn Thanh TR trình bày là không có.

2/ Về lệ phí Tòa án: Anh Từ Anh T, chị Nguyễn Thanh TR tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh T, chị TR đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn

đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006380 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh T, chị TR đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Anh Từ Anh T (01 bản);
- Chị Nguyễn Thanh TR (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện C (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên